

Họ và tên:..... SBD:..... Lớp:.....Phòng:.....

Mã đề :101

NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Quy tắc nào sau đây **không phải** là quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

- A. Khi vào phòng thí nghiệm là thực hiện luôn thí nghiệm.
- B. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thiết bị và quan sát các chỉ dẫn, các kí hiệu trên các thiết bị thí nghiệm.
- C. Tắt công tắc nguồn thiết bị điện trước khi cắm hoặc tháo thiết bị điện.
- D. Phải bố trí dây điện gọn gàng, không bị vướng khi qua lại.

Câu 2. Theo quy tắc an toàn, khi sử dụng **thiết bị đo điện**, bạn nên làm gì để tránh hỏng thiết bị?

- A. Lựa chọn chức năng và thang đo phù hợp.
- B. Rút phích điện khi dây điện hở.
- C. Chọn đồng hồ đo điện đa năng.
- D. Chọn thang đo tùy ý.

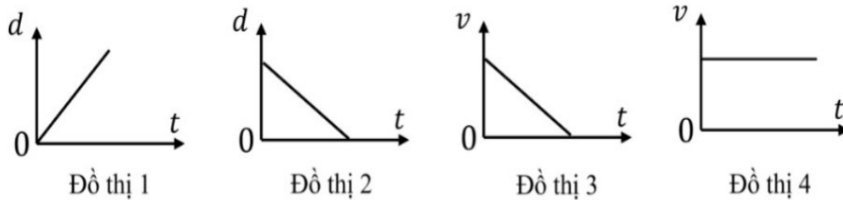
Câu 3. Trí tuệ nhân tạo (AI) ra đời trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ

- A. Ba.
- B. nhất.
- C. Tư.
- D. Hai.

Câu 4. Một vật rơi tự do từ độ cao h xuống mặt đất. Công thức nào dưới đây dùng để xác định vận tốc v của vật rơi tự do?

- A. $v = \sqrt{2gh}$.
- B. $v = 2gh$.
- C. $v = \sqrt{gh}$.
- D. $v = \sqrt{\frac{2h}{g}}$.

Câu 5. Đồ thị nào sau đây là của chuyển động thẳng biến đổi đều



- A. Đồ thị 4.
- B. Đồ thị 2.
- C. Đồ thị 3.
- D. Đồ thị 1.

Câu 6. Khi đo thời gian chuyển động của vật trên cùng một quãng đường kết quả thu được là $t = 2,50 \pm 0,02$ s thì

- A. Sai số tương đối của phép đo là 0,02%
- B. Sai số tuyệt đối của phép đo là 2,50 s
- C. Giá trị trung bình của phép đo là 0,02 s
- D. Giá trị trung bình của phép đo là 2,50 s.

Câu 7. Đối tượng nghiên cứu nào sau đây **không** thuộc lĩnh vực Vật lí?

- A. Các chất và sự biến đổi các chất, phương trình phản ứng của các chất trong tự nhiên.
- B. Vật chất và sự vận động, năng lượng.
- C. Vũ trụ (các hành tinh, ngôi sao...)
- D. Trái Đất.

Câu 8. Công thức liên hệ giữa độ dịch chuyển, vận tốc và gia gia tốc của chuyển động thẳng biến đổi đều là

- A. $v - v_0 = 2a.d$.
- B. $v^2 - v_0^2 = 2.a.d$.
- C. $v_0^2 - v^2 = 2ad$.
- D. $v^2 - v_0^2 = a.d$.

Câu 9. Kết quả sai số tuyệt đối của một phép đo là 0,020. Số chữ số có nghĩa là

- A. 2
- B. 1
- C. 4
- D. 3

Câu 10. Công thức tính sai số tuyệt đối của phép đo

A. $\delta A = \frac{\Delta A}{A} .100\%$

B. $\Delta A = \overline{\Delta A} + \Delta A_{dc}$

C. $\overline{\Delta A} = \frac{\Delta A_1 + \Delta A_2 + \dots + \Delta A_n}{n}$

D. $\overline{A} = \frac{A_1 + A_2 + \dots + A_n}{n}$

Câu 11. Một chiếc xe ô tô chuyển động theo hướng Đông 4 km, sau đó rẽ trái chuyển động 3 km về hướng Bắc. Quãng đường và độ dịch chuyển của xe có giá trị lần lượt là

A. 7 km; 5 km.

B. 7km; 1 km

C. 5 km; 1 km.

D. 7km; 7 km.

Câu 12. Một ô tô chạy từ địa điểm A đến địa điểm B với tốc độ 40 km/h, sau đó ô tô quay trở về A với tốc độ 60 km/h. Giả sử ô tô luôn chuyển động thẳng đều.

Tốc độ trung bình và vận tốc trung bình của ô tô trên cả đoạn đường đi và về lần lượt là

A. 45km/h ; 45km/h

B. 36km/h ; 50km/h

C. 48 km/h; 0

D. 50km/h; 0

Câu 13. Gọi vật 1 là thuyền, vật 2 là dòng nước, vật 3 là bờ sông, Vận tốc của thuyền so với bờ sông được tính bằng biểu thức

A. $\vec{v}_{13} = \vec{v}_{12} + \vec{v}_{23}$.

B. $\vec{v}_{12} = \vec{v}_{13} + \vec{v}_{23}$.

C. $\vec{v}_{23} = \vec{v}_{12} + \vec{v}_{13}$.

D. $\vec{v}_{13} = \vec{v}_{12} - \vec{v}_{23}$.

Câu 14. Một vật chuyển động thẳng chậm dần đều có vận tốc ban đầu v_0 , gia tốc có độ lớn a không đổi, phương trình vận tốc có dạng: $v = v_0 + at$. Vật này có

A. a luôn âm.

B. v tăng theo thời gian.

C. tích $v.a > 0$.

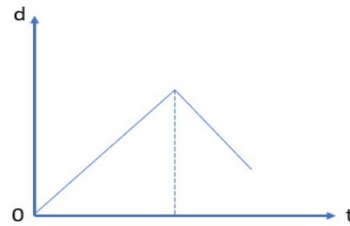
D. a luôn ngược dấu với v .

Câu 15. Cho đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một vật như hình. Chọn phát biểu **đúng**.

A. Vật chuyển động thẳng nhanh dần đều rồi lại chuyển động thẳng chậm dần đều.

B. Vật đang chuyển động thẳng đều theo chiều âm.

C. Vật đang chuyển động thẳng đều theo chiều dương.



D. Vật chuyển động thẳng đều theo chiều dương rồi đổi chiều chuyển động ngược lại.

Câu 16. Chọn câu **đúng**

A. Vận tốc tức thời cho ta biết chiều chuyển động, do đó bao giờ cũng có giá trị dương.

B. Độ lớn vận tốc tức thời bằng tốc độ tức thời.

C. Khi chất điểm chuyển động thẳng đều chỉ theo 1 chiều thì bao giờ vận tốc trung bình cũng bằng tốc độ trung bình.

D. Độ lớn vận tốc trung bình bằng tốc độ trung bình.

Câu 17. Câu nào sau đây nói về sự rơi tự do là đúng?

A. Ở cùng một nơi, mọi vật rơi tự do có cùng gia tốc

B. Vận tốc của vật chạm đất, không phụ thuộc vào độ cao của vật khi rơi.

C. Khi không có lực cản, vật nặng rơi nhanh hơn vật nhẹ.

D. Khi rơi tự do, vật nào ở độ cao lớn hơn sẽ rơi với gia tốc lớn hơn.

Câu 18. Phát biểu nào là sai khi nói về độ dịch chuyển?

A. Độ dịch chuyển là một đại lượng vector.

B. Độ dịch chuyển và quãng đường đi được có thể bằng nhau trong trường hợp vật chuyển động trên đường thẳng và không đổi chiều chuyển động.

C. Độ dịch chuyển chỉ cho biết độ dài, không cho biết hướng của sự thay đổi vị trí.

D. Độ dịch chuyển được biểu diễn bằng một mũi tên nối vị trí đầu và vị trí cuối của chuyển động, có độ dài tỉ lệ với độ lớn của độ dịch chuyển.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

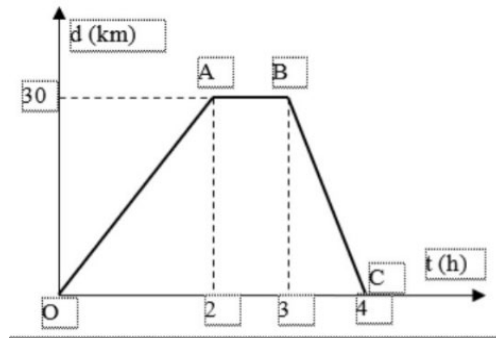
Câu 1. Xét tính đúng/sai của các câu dưới đây khi nói về sai số trong phép đo:

- a) sai số tỉ đối cho biết mức độ chính xác của phép đo.
- b) Để hạn chế sai số ngẫu nhiên bằng cách thực hiện phép đo nhiều lần và lấy giá trị trung bình.
- c) Sai số tuyệt đối của phép đo là tỉ lệ phần trăm giữa sai số tuyệt đối và giá trị trung bình của đại lượng đó.
- d) Sai số hệ thống là sai số có tính qui luật và được lặp lại ở tất cả các lần đo làm cho giá trị đo tăng hoặc giảm một lượng nhất định số với giá trị thực.

Câu 2. Một vật rơi tự do từ độ cao 180 m xuống đất, lấy $g = 10 \text{ m/s}^2$ và bỏ qua sức cản không khí.

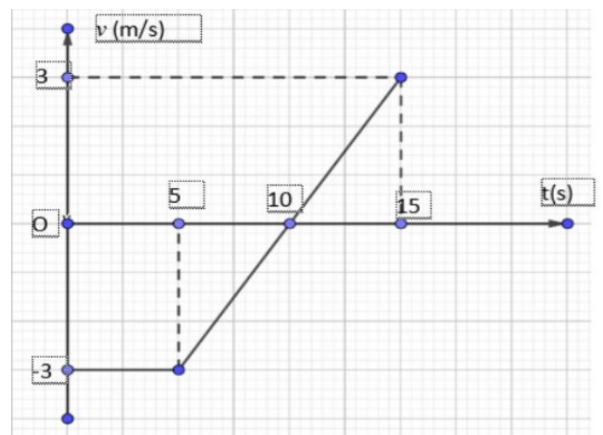
- a) Rơi tự do là chuyển động thẳng nhanh dần đều theo phương thẳng đứng.
- b) Độ lớn vận tốc của vật khi chạm đất là 50 m/s.
- c) Thời gian vật rơi hết quãng đường là 9 s.
- d) Thời gian vật rơi hết 100 m cuối cùng là 2 s.

Câu 3. Một chất điểm chuyển động có đồ thị độ dịch chuyển - thời gian cho như hình.



- a) Từ 2 giờ đến 3 giờ vật chuyển động thẳng đều.
- b) Vận tốc trung bình của vật trong 4 giờ chuyển động là 15km/h.
- c) Vật chuyển động thẳng đều trong khoảng thời gian 4 giờ kể từ lúc xuất phát.
- d) Độ dốc của đồ thị cho biết độ lớn vận tốc chuyển động

Câu 4. Đồ thị vận tốc của một chất điểm chuyển động dọc theo trục Ox được biểu diễn như hình vẽ.



- a) Quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian từ 0 giây đến 15 giây là 30 m.
- b) Gia tốc chất điểm từ thời điểm 5 giây đến thời điểm 15 giây là $0,6 \text{ m/s}^2$.
- c) Tốc độ chất điểm thay đổi liên tục trong suốt quá trình chuyển động.
- d) Chất điểm không đổi chiều trong suốt quá trình chuyển động.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Hai xe cùng chạy trên một đoạn đường thẳng. Xe A chạy với tốc độ $v_A = 60 \text{ km/h}$, xe B chạy với tốc độ $v_B = 80 \text{ km/h}$. (chọn chiều dương là chiều chuyển động của xe A). Khi hai xe chạy ngược chiều nhau thì vận tốc tương đối của xe A đối với xe B là bao nhiêu km/h ?

Câu 2. Dụng thước có độ chia nhỏ nhất $0,02 \text{ cm}$ để đo 4 lần chiều dài của một vật hình trụ. Kết quả đo được cho ở bảng sau:

Lần đo	1	2	3	4
Chiều dài l (cm)	3,29	3,36	3,32	3,27

Sai số tuyệt đối của phép đo là bao nhiêu cm ?

Câu 3. Biết \vec{d}_1 là độ dịch chuyển có độ lớn 4m về phía Đông còn \vec{d}_2 là độ dịch chuyển có độ lớn 3m về phía Tây. Độ dịch chuyển tổng hợp \vec{d} có độ lớn là bao nhiêu mét ?

Câu 4. Cho một xe ô tô chạy trên một quãng đường trong 5h. Biết 2h đầu xe chạy với tốc độ trung bình 60km/h và 3h sau xe chạy với tốc độ trung bình 40km/h . Tốc độ trung bình của xe trong suốt thời gian chuyển động là bao nhiêu km/h ?

Câu 5. Một đoàn tàu bắt đầu rời ga, chuyển động nhanh dần đều, sau 20s đạt vận tốc 36km/h . Thời gian kể từ lúc bắt đầu chuyển động đến khi tàu đạt vận tốc 54km/h là bao nhiêu giây?

Câu 6. Cùng một lúc ở hai điểm A, B cách nhau 300 m , có hai xe đi ngược chiều nhau. Xe thứ nhất đi từ A với tốc độ ban đầu là 10 m/s và chuyển động thẳng nhanh dần đều với gia tốc có độ lớn 2 m/s^2 , còn xe thứ hai đi từ B với tốc độ ban đầu là 30 m/s và chuyển động thẳng chậm dần đều với gia tốc có độ lớn 2 m/s^2 . Chọn A làm gốc tọa độ, chiều dương hướng từ A đến B, gốc thời gian lúc xe thứ nhất đi qua A. Độ lớn vận tốc của xe A khi hai xe gặp nhau là bao nhiêu m/s ?

---HẾT---

Họ và tên:..... SBD:..... Lớp:.....Phòng:.....

Mã đề :102

NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

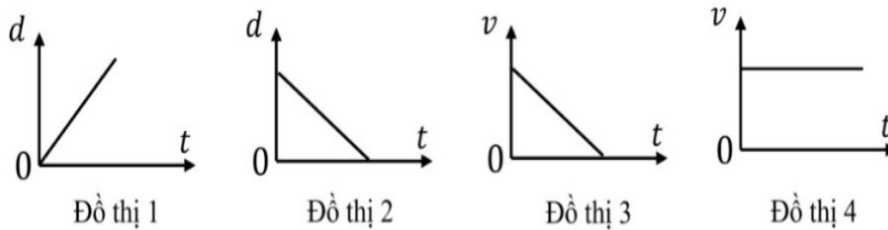
Câu 1. Công thức liên hệ giữa độ dịch chuyển, vận tốc và gia tốc của chuyển động thẳng biến đổi đều là

- A. $v^2 - v_0^2 = 2.a.d$. B. $v^2 - v_0^2 = a.d$. C. $v_0^2 - v^2 = 2ad$. D. $v - v_0 = 2a.d$.

Câu 2. Câu nào sau đây nói về sự rơi tự do là đúng?

- A. Vận tốc của vật chạm đất, không phụ thuộc vào độ cao của vật khi rơi.
B. Khi không có lực cản, vật nặng rơi nhanh hơn vật nhẹ.
C. Ở cùng một nơi, mọi vật rơi tự do có cùng gia tốc
D. Khi rơi tự do, vật nào ở độ cao lớn hơn sẽ rơi với gia tốc lớn hơn.

Câu 3. Đồ thị nào sau đây là của chuyển động thẳng biến đổi đều



- A. Đồ thị 2. B. Đồ thị 4. C. Đồ thị 3. D. Đồ thị 1.

Câu 4. Chọn câu đúng

- A. Độ lớn vận tốc tức thời bằng tốc độ tức thời.
B. Vận tốc tức thời cho ta biết chiều chuyển động, do đó bao giờ cũng có giá trị dương.
C. Độ lớn vận tốc trung bình bằng tốc độ trung bình.
D. Khi chất điểm chuyển động thẳng đều chỉ theo 1 chiều thì bao giờ vận tốc trung bình cũng bằng tốc độ trung bình.

Câu 5. Công thức tính sai số tuyệt đối của phép đo

- A. $\overline{\Delta A} = \frac{A_1 + A_2 + \dots + A_n}{n}$ B. $\Delta A = \overline{\Delta A} + \Delta A_{dc}$
C. $\delta A = \frac{\Delta A}{A} . 100\%$ D. $\overline{\Delta A} = \frac{\Delta A_1 + \Delta A_2 + \dots + \Delta A_n}{n}$

Câu 6. Một ô tô chạy từ địa điểm A đến địa điểm B với tốc độ 40 km/h, sau đó ô tô quay trở về A với tốc độ 60 km/h. Giả sử ô tô luôn chuyển động thẳng đều.

Tốc độ trung bình và vận tốc trung bình của ô tô trên cả đoạn đường đi và về lần lượt là

- A. 48 km/h; 0 B. 50km/h; 0 C. 36km/h ; 50km/h D. 45km/h ; 45km/h

Câu 7. Khi đo thời gian chuyển động của vật trên cùng một quãng đường kết quả thu được là $t = 2,50 \pm 0,02$ s thì

- A. Sai số tuyệt đối của phép đo là 2,50 s B. Sai số tương đối của phép đo là 0,02%

C. Giá trị trung bình của phép đo là 0,02 s

D. Giá trị trung bình của phép đo là 2,50 s.

Câu 8. Theo quy tắc an toàn, khi sử dụng **thiết bị đo điện**, bạn nên làm gì để tránh hỏng thiết bị?

A. Chọn đồng hồ đo điện đa năng.

B. Lựa chọn chức năng và thang đo phù hợp.

C. Rút phích điện khi dây điện hở.

D. Chọn thang đo tùy ý.

Câu 9. Gọi vật 1 là thuyền, vật 2 là dòng nước, vật 3 là bờ sông, Vận tốc của thuyền so với bờ sông được tính bằng biểu thức

A. $\vec{v}_{23} = \vec{v}_{12} + \vec{v}_{13}$.

B. $\vec{v}_{13} = \vec{v}_{12} + \vec{v}_{23}$.

C. $\vec{v}_{12} = \vec{v}_{13} + \vec{v}_{23}$.

D. $\vec{v}_{13} = \vec{v}_{12} - \vec{v}_{23}$.

Câu 10. Kết quả sai số tuyệt đối của một phép đo là 0,020. Số chữ số có nghĩa là

A. 2

B. 3

C. 4

D. 1

Câu 11. Đối tượng nghiên cứu nào sau đây **không** thuộc lĩnh vực Vật lí?

A. Các chất và sự biến đổi các chất, phương trình phản ứng của các chất trong tự nhiên.

B. Trái Đất.

C. Vật chất và sự vận động, năng lượng.

D. Vũ trụ (các hành tinh, ngôi sao...)

Câu 12. Phát biểu nào là sai khi nói về độ dịch chuyển?

A. Độ dịch chuyển chỉ cho biết độ dài, không cho biết hướng của sự thay đổi vị trí.

B. Độ dịch chuyển được biểu diễn bằng một mũi tên nối vị trí đầu và vị trí cuối của chuyển động, có độ dài tỉ lệ với độ lớn của độ dịch chuyển.

C. Độ dịch chuyển là một đại lượng vector.

D. Độ dịch chuyển và quãng đường đi được có thể bằng nhau trong trường hợp vật chuyển động trên đường thẳng và không đổi chiều chuyển động.

Câu 13. Một chiếc xe ô tô chuyển động theo hướng Đông 4 km, sau đó rẽ trái chuyển động 3 km về hướng Bắc. Quãng đường và độ dịch chuyển của xe có giá trị lần lượt là

A. 5 km; 1 km.

B. 7km; 1 km

C. 7km; 7 km.

D. 7 km; 5 km.

Câu 14. Một vật chuyển động thẳng chậm dần đều có vận tốc ban đầu v_0 , gia tốc có độ lớn a không đổi, phương trình vận tốc có dạng: $v = v_0 + at$. Vật này có

A. a luôn âm.

B. v tăng theo thời gian.

C. tích $v.a > 0$.

D. a luôn ngược dấu với v .

Câu 15. Trí tuệ nhân tạo (AI) ra đời trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ

A. Tư.

B. nhất.

C. Ba.

D. Hai.

Câu 16. Một vật rơi tự do từ độ cao h xuống mặt đất. Công thức nào dưới đây dùng để xác định vận tốc v của vật rơi tự do?

A. $v = \sqrt{\frac{2h}{g}}$.

B. $v = \sqrt{gh}$.

C. $v = 2gh$.

D. $v = \sqrt{2gh}$.

Câu 17. Quy tắc nào sau đây **không phải** là quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

A. Phải bố trí dây điện gọn gàng, không bị vướng khi qua lại.

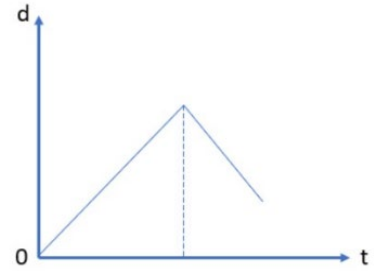
B. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thiết bị và quan sát các chỉ dẫn, các kí hiệu trên các thiết bị thí nghiệm.

C. Tắt công tắc nguồn thiết bị điện trước khi cắm hoặc tháo thiết bị điện.

D. Khi vào phòng thí nghiệm là thực hiện luôn thí nghiệm.

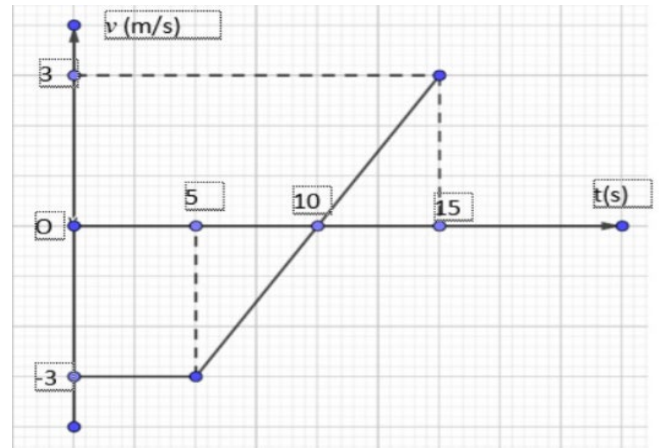
Câu 18. Cho đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một vật như hình. Chọn phát biểu **đúng**.

- A. Vật đang chuyển động thẳng đều theo chiều dương.
- B. Vật đang chuyển động thẳng đều theo chiều âm.
- C. Vật chuyển động thẳng nhanh dần đều rồi lại chuyển động thẳng chậm dần đều.
- D. Vật chuyển động thẳng đều theo chiều dương rồi đổi chiều chuyển động ngược lại.



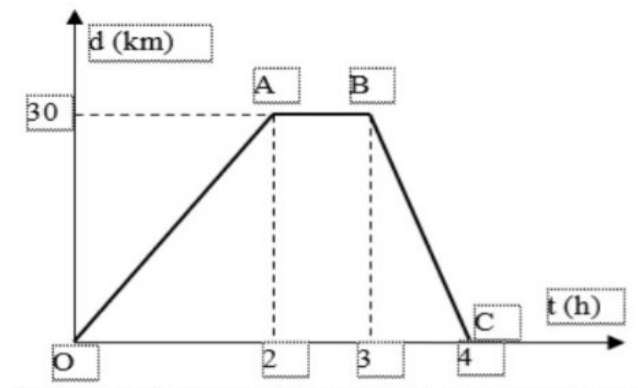
PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đồ thị vận tốc của một chất điểm chuyển động dọc theo trục Ox được biểu diễn như hình vẽ.



- a) Quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian từ 0 giây đến 15 giây là 30 m.
- b) Tốc độ chất điểm thay đổi liên tục trong suốt quá trình chuyển động.
- c) Gia tốc chất điểm từ thời điểm 5 giây đến thời điểm 15 giây là $0,6 \text{ m/s}^2$.
- d) Chất điểm không đổi chiều trong suốt quá trình chuyển động.

Câu 2. Một chất điểm chuyển động có đồ thị độ dịch chuyển - thời gian cho như hình.



- a) Vận tốc trung bình của vật trong 4 giờ chuyển động là 15 km/h .
- b) Độ dốc của đồ thị cho biết độ lớn vận tốc chuyển động
- c) Vật chuyển động thẳng đều trong khoảng thời gian 4 giờ kể từ lúc xuất phát.
- d) Từ 2 giờ đến 3 giờ vật chuyển động thẳng đều.

Câu 3. Xét tính đúng/ sai của các câu dưới đây khi nói về sai số trong phép đo:

- a) Để hạn chế sai số ngẫu nhiên bằng cách thực hiện phép đo nhiều lần và lấy giá trị trung bình.
- b) sai số tỉ đối cho biết mức độ chính xác của phép đo.

c) Sai số tuyệt đối của phép đo là tỉ lệ phần trăm giữa sai số tuyệt đối và giá trị trung bình của đại lượng đó.

d) Sai số hệ thống là sai số có tính qui luật và được lặp lại ở tất cả các lần đo làm cho giá trị đo tăng hoặc giảm một lượng nhất định so với giá trị thực.

Câu 4. Một vật rơi tự do từ độ cao 180 m xuống đất, lấy $g = 10 \text{ m/s}^2$ và bỏ qua sức cản không khí.

a) Rơi tự do là chuyển động thẳng nhanh dần đều theo phương thẳng đứng.

b) Thời gian vật rơi hết 100 m cuối cùng là 2 s.

c) Độ lớn vận tốc của vật khi chạm đất là 50 m/s.

d) Thời gian vật rơi hết quãng đường là 9 s.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Hai xe cùng chạy trên một đoạn đường thẳng. Xe A chạy với tốc độ $v_A = 60 \text{ km/h}$, xe B chạy với tốc độ $v_B = 80 \text{ km/h}$. (chọn chiều dương là chiều chuyển động của xe A). Khi hai xe chạy ngược chiều nhau thì vận tốc tương đối của xe A đối với xe B là bao nhiêu km/h ?

Câu 2. Một đoàn tàu bắt đầu rời ga, chuyển động nhanh dần đều, sau 20s đạt vận tốc 36km/h. Thời gian kể từ lúc bắt đầu chuyển động đến khi tàu đạt vận tốc 54km/h là bao nhiêu giây?

Câu 3. Cùng một lúc ở hai điểm A, B cách nhau 300 m, có hai xe đi ngược chiều nhau. Xe thứ nhất đi từ A với tốc độ ban đầu là 10 m/s và chuyển động thẳng nhanh dần đều với gia tốc có độ lớn 2 m/s^2 , còn xe thứ hai đi từ B với tốc độ ban đầu là 30 m/s và chuyển động thẳng chậm dần đều với gia tốc có độ lớn 2 m/s^2 . Chọn A làm gốc tọa độ, chiều dương hướng từ A đến B, gốc thời gian lúc xe thứ nhất đi qua A. Độ lớn vận tốc của xe A khi hai xe gặp nhau là bao nhiêu m/s ?

Câu 4. Cho một xe ô tô chạy trên một quãng đường trong 5h. Biết 2h đầu xe chạy với tốc độ trung bình 60km/h và 3h sau xe chạy với tốc độ trung bình 40km/h. Tốc độ trung bình của xe trong suốt thời gian chuyển động là bao nhiêu km/h ?

Câu 5. Biết \vec{d}_1 là độ dịch chuyển có độ lớn 4m về phía Đông còn \vec{d}_2 là độ dịch chuyển có độ lớn 3m về phía Tây. Độ dịch chuyển tổng hợp \vec{d} có độ lớn là bao nhiêu mét ?

Câu 6. Dùng thước có độ chia nhỏ nhất 0,02 cm để đo 4 lần chiều dài của một vật hình trụ. Kết quả đo được cho ở bảng sau:

Lần đo	1	2	3	4
Chiều dài l (cm)	3,29	3,36	3,32	3,27

Sai số tuyệt đối của phép đo là bao nhiêu cm?

----HẾT---

ĐÁP ÁN

Câu hỏi	101	102	103	104
1	A	A	B	A
2	A	C	C	C
3	C	C	D	A
4	A	A	A	D
5	C	B	A	D
6	D	A	D	C
7	A	D	B	A
8	B	B	D	B
9	A	B	C	A
10	B	A	A	C
11	A	A	D	C
12	C	A	B	D
13	A	D	B	A
14	D	D	D	B
15	D	A	B	B
16	B	D	D	A
17	A	D	D	B
18	C	D	C	B
19	ĐĐSĐ	ĐSĐS	ĐSSĐ	ĐSSĐ
20	ĐSSĐ	SĐSS	ĐĐSS	SSSĐ
21	SSSĐ	ĐĐSĐ	SSĐS	SĐĐĐ
22	ĐĐSS	ĐĐSS	ĐSĐĐ	SSĐĐ
23	140	140	30	48
24	0,04	30	0,04	30
25	1	25	48	140
26	48	48	140	0,04
27	30	1	25	25
28	25	0,04	1	1